TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thu H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt);

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2015. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, khi chị khuyên bảo thì

anh chửi bới, đánh đập chị. Tháng 02 năm 2018 chị về sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở cùng thôn, hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con là Nguyễn Đại D, sinh ngày…2016, hiện đang ở với anh T. Do điều kiện công việc của chị làm công nhân, không có thời gian chăm sóc con nên chị đề nghị sau khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con; chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn – anh T trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị H trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H cư xử không đúng mực với mọi người trong gia đình, thiếu chung thủy với anh. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung, anh trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T; giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị nhất trí việc anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng cho con.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử cho chị Phạm Thu H ly hôn anh Nguyễn Anh T; giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con; chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập anh T đến tham gia phiên họp, phiên tòa song do điều kiện công việc anh không đến mà có đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn, chị H đề nghị không tiến

hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn *(anh T)* là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện K nơi sinh sống của anh chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[3] Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn; anh T nhất trí ly hôn. HĐXX thấy rằng, cả anh T, chị H đều xác định hôn nhân giữa hai người không còn hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau, chị H khởi kiện xin ly hôn, anh T nhất trí. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H ly hôn anh T.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị H và anh T có 01 con là Nguyễn Đại D, sinh ngày…2016. Kể từ tháng 02/2018, anh chị mâu thuẫn, sống mỗi người một nơi thì anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con và sống cùng bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ của anh T), anh làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng từ 5 đến 6 triệu đồng, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con; anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. Trong khi, chị H đề nghị giao con cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thu H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thu H ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Đại D, sinh ngày 27/4/2016 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000523 ngày 10 tháng 5 năm 2018.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/8/2018; anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Đ, H.K;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân